

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Quyết định 1162/QĐ-VNĐP-OCOP ngày 17/9/2020 của Văn phòng điều phối Nông thôn mới Trung ương về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm OCOP Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 107/TTr-SNN ngày 10 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT_(LTT).

3



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Yên

QUY CHẾ**Quản lý sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã
một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

(Kèm theo Quyết định số: **981/QĐ-UBND** ngày **14** tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý sản phẩm đã được chứng nhận sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, còn thời hạn theo quy định (gọi tắt là sản phẩm OCOP) thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (gọi tắt là Chương trình OCOP) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các chủ thể OCOP, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chương II**QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM****Điều 3. Xây dựng và công bố quy trình sản xuất**

1. Các chủ thể OCOP xây dựng quy trình sản xuất gắn với đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước và đảm bảo các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Quy trình sản xuất phải được xây dựng từ khâu nguyên liệu đầu vào, đến quá trình sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản và lưu thông trên thị trường; từng công đoạn được mô tả chi tiết, cụ thể các nội dung, yêu cầu bắt buộc, thực hiện để có kết quả đầu ra sản phẩm đảm bảo chất lượng. Quá trình sản xuất tuân thủ nghiêm túc quy trình sản xuất; thiết lập hồ sơ (sổ sách, phần mềm...) theo dõi, lưu trữ đầy đủ, chính xác thông tin liên quan từng lô hàng sản xuất và có phương án xử lý khi sản phẩm không đảm bảo chất lượng.

3. Chủ thể OCOP phải nghiêm yết công khai quy trình sản xuất tại vị trí dễ quan sát ở cơ sở sản xuất để các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thuận lợi kiểm tra, giám sát.

Điều 4. Quản lý chất lượng nguyên liệu sản xuất

1. Nguyên liệu phải đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được bảo quản theo quy định.

2. Chủ thể OCOP có trách nhiệm quản lý nguyên liệu sản xuất đầu vào bằng việc thiết lập hệ thống theo dõi, hồ sơ truy xuất nguồn gốc nguyên liệu (hợp đồng, hóa đơn, phiếu nhập kho, biên bản bàn giao nguyên liệu...).

3. Theo dõi, đánh giá chất lượng nguyên liệu sản xuất sản phẩm, hàng hóa.

4. Phân loại và sơ chế nguyên liệu sản xuất đảm bảo nguyên liệu theo đúng quy trình sản xuất đã công bố đạt chất lượng cao nhất.

Điều 5. Kiểm soát quá trình sản xuất

Chủ thể OCOP thực hiện:

1. Kiểm soát quá trình sản xuất theo đúng quy trình sản xuất đã công bố, đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Áp dụng và duy trì tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và chủ thể OCOP đã công bố.

3. Tăng cường kiểm soát, giám sát chất lượng theo chuỗi giá trị sản phẩm. Vận hành chương trình giám sát và quản lý chất lượng sản phẩm OCOP.

4. Trang thiết bị sản xuất đạt theo chất lượng tiêu chuẩn và có Quy trình quản lý trang thiết bị sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn quy định, nhằm đảm bảo tối đa chất lượng sản phẩm OCOP.

5. Kiểm soát chất lượng nguyên liệu, chất lượng vật tư, chất lượng bao bì chứa đựng sản phẩm OCOP nhằm đảm bảo và duy trì ổn định chất lượng sản phẩm.

6. Định kỳ theo kế hoạch kiểm soát chất lượng, tiến hành đánh giá chất lượng sản phẩm OCOP nội bộ theo tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn chất lượng tương ứng.

7. Vận hành công trình, thiết bị xử lý chất thải, nước thải, khí thải. Tự kiểm soát và giám sát chất lượng môi trường theo quy định.

Điều 6. Quản lý chất lượng sản phẩm

1. Chủ thể OCOP có hệ thống kho bảo quản sản phẩm OCOP, bảo quản nguyên liệu sản xuất đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm; có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm thường xuyên; có biện pháp xử lý kịp thời nếu phát hiện sản phẩm OCOP không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

2. Sản phẩm OCOP trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường phải phù hợp với chất lượng chủ thể OCOP đã công bố áp dụng, được dán tem OCOP đúng quy định.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm thực hiện quản lý chất lượng đối với sản phẩm OCOP theo quy định tại Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Dược, Luật an toàn thực phẩm; Nghị định số

15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

Điều 7. Thực hiện truy xuất nguồn gốc

1. Khi xảy ra sự cố gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc lô sản phẩm không đảm bảo chất lượng, chủ thể OCOP báo cáo kịp thời với cơ quan chức năng về nguồn gốc lô sản phẩm đó, phối hợp xác minh rõ nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm để xử lý kịp thời, đảm bảo tránh gây hậu quả nghiêm trọng, những tổn thất không đáng có về sức khỏe, tính mạng và những thiệt hại về kinh tế của người tiêu dùng.

2. Việc thực hiện truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Chương III

SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN OCOP VIỆT NAM

Điều 8. Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận OCOP Việt Nam và điều kiện sử dụng

1. Nhãn hiệu chứng nhận là: nhãn hiệu được đăng ký bảo hộ cho sản phẩm được công nhận OCOP của Việt Nam và hoạt động liên quan đến quy định của pháp luật. Nhãn hiệu chứng nhận là biểu trưng cho Chương trình OCOP, đồng thời là nhãn hiệu sử dụng để chứng nhận các sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP Việt Nam.

2. Sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận là sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm và được UBND huyện, thành phố Gia Nghĩa (gọi tắt chung là UBND cấp huyện) công nhận đạt 3 sao; UBND tỉnh công nhận đạt 4 sao hoặc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận đạt 5 sao theo quy định.

3. Quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận: Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận trên văn bản, giấy tờ, phương tiện nhằm tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá... Chương trình OCOP, sản phẩm OCOP Việt Nam; gắn (in, dán, đục, dập hoặc hình thức khác) nhãn hiệu chứng nhận đó trên sản phẩm, phương tiện kinh doanh sản phẩm và giấy tờ giao dịch hoặc mua, bán và quảng bá, giới thiệu sản phẩm đó.

4. Tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm được sử dụng nhãn hiệu chứng nhận mà không cần xin phép khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nhu cầu sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

b) Sản phẩm được công nhận OCOP từ 3 sao trở lên theo quy định và trong thời gian còn hiệu lực.

c) Đảm bảo các sản phẩm được gắn nhãn hiệu chứng nhận phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng theo hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP nộp các cơ quan có thẩm quyền.

d) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu, quy định về hoạt động kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý Chương trình OCOP từ trung ương xuống địa phương (nếu có).

Điều 9. Quy định về sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận là tự nguyện, không bắt buộc với tổ chức, cá nhân có sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP Việt Nam.

2. Việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận trên nhãn hàng hóa, bao bì, phương tiện quảng bá, giới thiệu sản phẩm cho sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP phải thực hiện theo đúng quy định sau:

a) Sản phẩm được công nhận 3 sao, 4 sao, 5 sao phải gắn số sao dưới nhãn hiệu chứng nhận, được quy định cụ thể về quy cách gắn sao tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

b) Nhãn hiệu chứng nhận phải được đặt ở vị trí trang trọng, dễ nhìn, dễ đọc trên nhãn hiệu hàng hóa, bao bì sản phẩm và các tài liệu, phương tiện khác.

Điều 10. Quản lý việc sử dụng nhãn hiệu OCOP Việt Nam

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý việc quản lý, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận OCOP Việt Nam trên toàn tỉnh. Trong quá trình kiểm tra, giám sát nếu phát hiện các chủ thể OCOP, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiến nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ tối đa không quá 6 tháng hoặc thu hồi quyền sử dụng nhãn hiệu OCOP Việt Nam theo quy định.

Chương IV

KHEN THƯỞNG CHO CÁC CHỦ THỂ OCOP

Điều 11. Hình thức khen thưởng

Giấy chứng nhận và tiền thưởng.

Điều 12. Mức khen thưởng

Thực hiện theo điểm e, khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 13. Nguồn kinh phí

Thực hiện theo tiết 3, điểm g, khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và hằng năm UBND

tinh phân bổ về cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm đầu mối chi thường cho các chủ thể OCOP.

Chương V

THU HỒI CHỨNG NHẬN, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14. Thu hồi chứng nhận sản phẩm OCOP

Đối với các sản phẩm OCOP, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, kiến nghị cấp có thẩm quyền thu hồi chứng nhận khi vi phạm một trong các nội dung sau:

1. Không sử dụng đúng nguồn nguyên liệu tại địa phương, không thực hiện liên kết sản xuất, thu mua nguyên liệu và không thực hiện đúng quy trình sản xuất đã công bố.

2. Sản phẩm không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Sản xuất, mua bán các sản phẩm OCOP đã hết hạn sử dụng, đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấm lưu thông.

4. Sản xuất, mua bán, trao đổi, tiếp thị sản phẩm OCOP không đảm bảo các tiêu chuẩn đã công bố hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Cố tình cung cấp sai hoặc giả mạo kết quả thử nghiệm, kiểm tra, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng của sản phẩm.

5. Thông tin, quảng bá sai sự thật hoặc có vi phạm gian dối về chất lượng sản phẩm, về nguồn gốc và xuất xứ sản phẩm OCOP, không xuất trình được hồ sơ lưu quá trình sản xuất khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

6. Sản phẩm cung cấp thị trường có dán tem OCOP nhưng không đúng với chất lượng của sản phẩm đã được đánh giá, phân hạng và công nhận.

7. Sử dụng nhãn hiệu OCOP không đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Quy chế này.

8. Các vi phạm khác liên quan đến tiêu chí, hồ sơ đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP và các quy định, pháp luật được phát hiện, xử lý.

Điều 15. Xử lý vi phạm

1. Chủ thể, sản phẩm OCOP vi phạm các quy định tại Quy chế này sẽ bị cơ quan cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định hiện hành.

2. Sản phẩm OCOP ngoài xử lý vi phạm quy định tại Quy chế này, còn bị xử lý vi phạm quy định như các sản phẩm, hàng hóa thông thường khác.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 16. Trách nhiệm của cơ quan chức năng

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Là cơ quan thường trực, đầu mối chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Hàng năm chủ trì, phối hợp các Sở, ngành tổ chức làm việc, kiểm tra các chủ thể OCOP; kiểm tra công tác chỉ đạo, hướng dẫn của UBND cấp huyện đối với các cơ sở về việc thực hiện quy trình sản xuất, phát hiện những khó khăn, vướng mắc, kịp thời tham mưu, đề xuất giải pháp tháo gỡ.

c) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quy chế này tại các địa phương, cơ sở. Trường hợp các Sở, ngành trong lĩnh vực được giao tiến hành kiểm tra phát hiện những sản phẩm OCOP thực hiện không đảm bảo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị UBND tỉnh, UBND cấp huyện xem xét, thu hồi giấy chứng nhận sản phẩm OCOP đối với các chủ thể và xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

d) Tham mưu thực hiện quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng các sản phẩm OCOP thuộc phạm vi quản lý ngành theo quy định.

e) Hướng dẫn các địa phương, chủ thể OCOP triển khai thực hiện các tiêu chí có liên quan về an toàn thực phẩm để tham gia đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP đối với nhóm sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành. Hướng dẫn chủ thể OCOP lập hồ sơ công bố chất lượng theo quy định đối với nhóm các sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý ngành; hướng dẫn về ghi nhãn hàng hóa; hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Đắk Nông.

2. Sở Y tế

a) Tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, sản phẩm OCOP thuộc phạm vi quản lý của ngành theo quy định.

b) Hướng dẫn các chủ thể lập hồ sơ công bố chất lượng theo quy định đối với nhóm sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành; hướng dẫn về ghi nhãn hàng hóa; hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Đắk Nông.

c) Hướng dẫn các địa phương, chủ thể OCOP hoàn thiện hồ sơ phân hạng sản phẩm OCOP, triển khai thực hiện các tiêu chí liên quan để phát triển sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm chức năng, thuốc từ dược liệu, thuốc Y học cổ truyền; nhóm sản phẩm mỹ phẩm; nhóm trang thiết bị, dụng cụ y tế; nhóm thảo dược khác; nhóm nước khoáng thiên nhiên, nước uống tinh khiết.

d) Kiểm tra giám sát việc chấp hành pháp luật của các chủ thể OCOP, các tổ chức, các nhân có liên quan và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm trên lĩnh vực được giao.

3. Sở Công Thương

a) Tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, sản phẩm OCOP thuộc phạm vi quản lý của ngành theo quy định.

b) Hướng dẫn các địa phương, chủ thể OCOP triển khai thực hiện các tiêu chí liên quan về an toàn thực phẩm để tham gia đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP đối với nhóm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành. Hướng dẫn các chủ thể OCOP lập hồ sơ công bố chất lượng theo quy định đối với nhóm sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành; hướng dẫn về ghi nhãn hàng hóa; hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Đắk Nông.

c) Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm OCOP, thông qua các hội chợ, triển lãm, diễn đàn,...trong và ngoài tỉnh.

d) Kiểm tra giám sát việc chấp hành pháp luật của các chủ thể OCOP, các tổ chức, cá nhân có liên quan và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm trên lĩnh vực được giao.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về sản phẩm OCOP thuộc quản lý của ngành đối với nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có sản phẩm du lịch tham gia Chương trình OCOP thực hiện các nội dung theo tiêu chí quy định để phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

c) Kiểm tra giám sát việc chấp hành pháp luật của các chủ thể OCOP, các tổ chức, cá nhân có liên quan và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm trên lĩnh vực được giao.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình OCOP hoàn thiện hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của ngành; đăng ký, bảo hộ nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm, hàng hóa; đăng ký sử dụng mã số, mã vạch; hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Đắk Nông.

b) Kiểm tra giám sát việc chấp hành pháp luật của các chủ thể OCOP, các tổ chức, cá nhân có liên quan và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm trên lĩnh vực được giao.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quản lý về bảo vệ môi trường cho các chủ thể OCOP.

b) Hướng dẫn các địa phương, chủ thể OCOP lập hồ sơ về tiêu chí môi trường theo quy định.

7. Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tăng cường phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền và triển khai thực hiện Quy chế này.

8. UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa

a) Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các chủ thể OCOP thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế của các chủ thể OCOP; báo cáo định kỳ (6 tháng, cuối năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình quản lý sản phẩm OCOP; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về chất lượng sản phẩm OCOP trên địa bàn.

Điều 17. Đối với các chủ thể OCOP

1. Đảm bảo điều kiện cần thiết: Nhân lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật, tổ chức, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa do cơ sở sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố và theo quy định.

2. Thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan kiểm tra, giám sát và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chấp hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này và biện pháp xử lý của cơ quan kiểm tra, giám sát.

4. Thực hiện công bố lại khi có thay đổi về nhãn mác, định lượng, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm OCOP.

5. Thực hiện các nội dung nêu tại Quy chế này và báo cáo cơ quan kiểm tra, giám sát khi có yêu cầu.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP; cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức cá nhân có liên quan tham gia Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Đắk Nông chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những nội dung cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC 1
NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM OCOP VIỆT NAM
(Kèm theo Quyết định số 981 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

LOGO QUY CHUẨN



KÍCH THƯỚC



LOGO VÀ VÙNG AN TOÀN



LOGO NHỎ NHẤT: 10X30MM



DƯƠNG BẢN IN MÀU ĐEN



ÂM BẢN IN NỀN MÀU



ÂM BẢN IN NỀN ĐEN

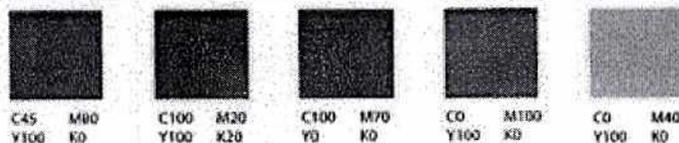


FONT CHỮ

Roboto Condensed - Bold

abcdefghijklmnopqrstuvwxyz
 ABCDEFGHIJKLMNOPQRSTUVWXYZ
 0123456789

MÀU SẮC



9/

PHỤ LỤC 2
QUY CÁCH GẮN SAO CHO SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỨNG NHẬN OCOP
(Kèm theo Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Sản phẩm đạt 03 sao



2. Sản phẩm đạt 04 sao



3. Sản phẩm đạt 05 sao

